

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



TRỊNH THỊ XÂY

**PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG
DÂN TỘC THIỂU SỐ, QUA THỰC TIỄN
TẠI TỈNH GIA LAI**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: TS. Lê Thị Nga

Phản biện 1: TS. Lê Thị Hải Ngọc.

Phản biện 2: PGS.TS. Trần Thị Huệ.

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ
họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày ... tháng ... năm

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	3
3. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu.....	7
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	8
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	8
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn	9
7. Kết cấu của luận văn	9
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG DÂN TỘC THIỂU SỐ	11
1.1. Khái quát về bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số.....	11
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm người lao động dân tộc thiểu số.....	11
1.1.1.3. Đặc điểm người lao động dân tộc thiểu số.....	11
1.1.2. Khái niệm bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số	12
1.2. Khái quát pháp luật bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số.....	12
1.2.1. Nguyên tắc điều chỉnh pháp luật bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số	12
1.2.2. Nội dung, cách thức, biện pháp bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số	13
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số.....	13
1.3.1. Yếu tố pháp luật	13
1.3.2. Yếu tố tổ chức	14
1.3.3. Mức độ phát triển kinh tế - xã hội.....	14
1.3.4. Trình độ dân trí của người lao động.....	14
1.3.5. Yếu tố tập quán	15
Tiểu kết Chương 1.....	15
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ THỰC TIỄN THỰC THI TẠI TỈNH GIA LAI.....	16
2.1. Thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số	16
2.1.1. Quy định pháp luật về quyền của người lao động dân tộc thiểu số	16
2.1.2. Quy định pháp luật về trách nhiệm của người sử dụng lao động	16
2.1.3. Quy định pháp luật về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số	16
2.2. Thực tiễn thực thi pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số tại tỉnh Gia Lai.....	17
2.2.1. Khái quát tình hình lao động, việc làm tại tỉnh Gia Lai.....	17

2.2.2. Tình hình thực thi pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số tại tỉnh Gia Lai	17
2.3. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.....	17
2.3.1. Những tồn tại, hạn chế	17
2.3.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế	18
Tiểu kết Chương 2	19
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ BẢO VỆ QUYỀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG DÂN TỘC THIỂU SỐ	20
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số.....	20
3.1.1. Quán triệt sâu sắc và thể chế hóa đường lối, chủ trương, định hướng chính sách của Đảng về bảo vệ quyền của người lao động nói chung và người lao động dân tộc thiểu số nói riêng	20
3.1.2. Đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế về bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số.....	20
3.1.3. Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ và khả thi của pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số	21
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số.....	21
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số.....	21
3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số tại tỉnh Gia Lai	21
Tiểu kết Chương 3	23
KẾT LUẬN	24

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Nguyên nghĩa
1	BHXH	Bảo hiểm xã hội
2	CPTPP	Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
3	DTTS	Dân tộc thiểu số
4	EVFTA	Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU
5	HĐLĐ	Hợp đồng lao động
6	HĐND	Hội đồng nhân dân
7	ICESCR	Công ước của Liên Hợp quốc về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966
8	ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế
9	SDLĐ	Sử dụng lao động
10	UBND	Ủy ban nhân dân
11	TAND	Tòa án nhân dân
12	VKSND	Viện kiểm sát nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, vấn đề việc làm là một trong những mối quan tâm hàng đầu để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Việc làm vừa là vấn đề kinh tế vừa là vấn đề cấp thiết của xã hội. Giải quyết việc làm giúp phát huy nhân tố con người, ổn định và phát triển kinh tế, lành mạnh xã hội, đồng thời đảm bảo quyền lợi, nguyện vọng chính đáng của của nhân dân.

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc với tổng số 54 dân tộc, trong đó dân tộc Kinh chiếm đa số với tỉ lệ 85,3% dân số, 53 DTTS chiếm tỉ lệ 14,7% dân số. Theo kết quả điều tra 53 DTTS năm 2019 của Tổng cục Thống kê, toàn quốc có 8,03 triệu người DTTS từ 15 tuổi trở lên tham gia lực lượng lao động (chiếm tỉ lệ 14,4% tổng số lao động)¹. Kể từ những năm 1980, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đến việc xây dựng chính sách, quy định về lao động để bảo đảm quyền lợi cho người lao động nói chung và người lao động DTTS nói riêng, tạo điều kiện cho người lao động DTTS phát triển về mọi mặt, ổn định kinh tế và đời sống. Từ năm 2016 đến nay, Việt Nam đã nội luật hóa các quy định của các Điều ước quốc tế về quyền con người, về người DTTS vào các quy định tại Hiến pháp, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Lao động... và các văn bản quy phạm pháp luật khác; xây dựng các Chương trình, Đề án liên quan đến người DTTS. Nhờ sự quan tâm, lãnh đạo của Đảng, chính sách của Nhà nước, sự hỗ trợ của chính quyền địa phương cùng với nỗ lực, cố gắng của người dân, kinh tế vùng đồng bào DTTS có nhiều chuyển biến tích cực, sinh kế của người dân ngày càng đa dạng, thu nhập tăng lên, đời sống được cải thiện, số lượng hộ nghèo giảm khá nhanh.

¹ Tổng cục Thống kê, Ủy ban Dân tộc (2020), *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nxb. Thống kê.

Tuy nhiên, ở Việt Nam, người DTTS vẫn là nhóm dễ bị tổn thương và yếu thế do trình độ dân trí và chuyên môn kỹ thuật của lực lượng lao động là người DTTS còn thấp, chỉ có khoảng 6,2% lao động người DTTS được qua đào tạo từ sơ cấp nghề trở lên (bằng 1/3 so với tỉ lệ trung bình của cả nước) và có sự khác biệt lớn giữa các dân tộc (nhóm thấp nhất có tỷ lệ trung bình dưới 2%, nhóm cao nhất đạt tỷ lệ trung bình trên 7%)². Đây là hạn chế của lực lượng lao động DTTS trong việc tiếp cận thị trường lao động và nâng cao năng suất lao động để tạo ra thu nhập. Ngoài ra, các đặc điểm tự nhiên khác như nơi sinh sống chủ yếu là vùng trung du, vùng núi, vùng sâu vùng xa; ngôn ngữ, phong tục, tập quán riêng biệt của từng dân tộc cũng là rào cản lớn của lao động DTTS. Các chính sách liên quan đến người DTTS có sự chùng chေo về nội dung nên chưa đạt được hiệu quả cao trong việc bảo vệ quyền, lợi ích của người lao động DTTS. Mặc dù hiện tượng bất bình đẳng giới đã có nhiều nỗ lực cải thiện nhưng vấn đề này vẫn còn tồn tại và ảnh hưởng không nhỏ đến người lao động DTTS.

Gia Lai là một địa phương điển hình cho tình trạng trên. Toàn tỉnh có 34 dân tộc, trong đó đồng bào DTTS chiếm hơn 44%³. Nguồn lao động chiếm khoảng 59,74% dân số tỉnh, tuy nhiên chỉ có 55% lao động qua đào tạo⁴. Xuất phát từ nhiều nguyên nhân như thiếu tư liệu sản xuất, tay nghề thấp, nông sản mất mùa mất giá, thiên tai và dịch bệnh; đặc biệt là chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang dịch vụ và công nghiệp, nguồn lao động đáp ứng rất hạn chế dẫn đến hiện tượng lực lượng lao động DTTS thiếu việc làm nhiều hơn so với trước đây. Mặt khác, tình trạng lao động DTTS không được kí hợp đồng lao động, không được đóng BHXH và không được trang bị bảo hộ lao động cũng

² Chính phủ (2019), *Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021 – 2030*.

³ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (Khóa XV) (2017), *Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 12/4/2017 về giảm nhanh và bền vững tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến 2025*.

⁴ Xem: [Gia Lai nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo để đáp ứng thị trường](#) (truy cập ngày 07/10/2021).

dẫn đến nhiều bất cập, hệ lụy đối với thực trạng sử dụng lao động người DTTS hiện nay.

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả lựa chọn đề tài ***“Pháp luật bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số, qua thực tiễn tại tỉnh Gia Lai”*** làm đề tài luận văn nhằm nghiên cứu quy định pháp luật bảo vệ quyền, lợi ích của người lao động DTTS, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền làm việc của người lao động DTTS, đảm bảo nguyên tắc Hiến định “Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển”.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Vấn đề dân tộc và việc làm dành cho người lao động DTTS là vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội quan trọng của Nhà nước trong quá trình phát triển và hội nhập. Vấn đề bảo vệ người lao động nói chung và bảo vệ người lao động DTTS nói riêng trong thời gian gần đây đã thu hút được sự quan tâm, nghiên cứu của nhiều cơ quan, ban ngành và của nhiều nhà khoa học.

Hiện nay có một số luận án, luận văn, công trình nghiên cứu khoa học, dự án liên quan đến người DTTS và bảo vệ người lao động DTTS như sau:

- Đỗ Quân Sơn (2019), *Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo pháp luật Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, Viện hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Luận án nghiên cứu làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc đảm bảo quyền và lợi ích của người lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo pháp luật; đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi của pháp luật Việt Nam trong việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta.

- Phan Thị Thu Hà (2011), *Đào tạo lao động người dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố Kon Tum*, Luận văn thạc sĩ Kinh tế, Trường Đại học Đà

Năng. Luận văn nghiên cứu vai trò và tầm quan trọng của công tác đào tạo lao động người DTTS, tạo được nguồn nhân lực có chất lượng đóng góp cho sự phát triển của địa phương.

- Lê Thị Kim Thương (2014), *Bảo vệ người lao động trong lĩnh vực việc làm, tiền lương trong pháp luật lao động Việt Nam – Thực tiễn tại Thành phố Đà Nẵng*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn nghiên cứu, xem xét, đánh giá các quy định về bảo vệ người lao động nói chung và người lao động trong lĩnh vực việc làm, tiền lương theo pháp luật lao động Việt Nam nói riêng; đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật lao động hiện nay.

- Lê Xuân Trình (2015), *Quyền của người dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật quốc tế và Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn nghiên cứu làm rõ các khái niệm, các nhóm quyền của người DTTS được ghi nhận trong các Điều ước quốc tế, đặc biệt là các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; các chủ trương, chính sách, pháp luật của Việt Nam về người DTTS; hạn chế, khó khăn trong việc ghi nhận và đảm bảo thực hiện quyền của người DTTS; đưa ra một số giải pháp góp phần thúc đẩy và bảo vệ quyền của người DTTS.

- Danh Ngọc Bình (2017), *Quản lý nhà nước về đào tạo nghề cho người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang*, Luận văn thạc sĩ Quản lý công, Học viện Hành chính Quốc gia. Luận văn nghiên cứu về nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho người lao động DTTS nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng về chất lượng và số lượng của sản xuất và xã hội, góp phần giải quyết khó khăn trong công tác quản lý đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động DTTS trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Hoàng Thị Nhi (2019), *Bảo đảm quyền có việc làm của người dân tộc thiểu số theo pháp luật Việt Nam, qua thực tiễn tỉnh Quảng Trị*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật, Đại học Huế. Luận văn nghiên cứu cơ sở lý

luận và cơ sở thực tiễn bảo đảm quyền có việc làm của người DTTS, đưa ra hệ thống các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao mức độ bảo đảm quyền có việc làm của người DTTS tại tỉnh Quảng Trị.

Bên cạnh các công trình nghiên cứu về lý luận và thực trạng pháp luật về bảo vệ người lao động và bảo vệ quyền của người DTTS còn có những dự án và các công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí về lao động người DTTS cụ thể như sau:

- Bộ Công thương (2015), *Dự án hiệu quả năng lượng cho các doanh nghiệp công nghiệp ở Việt Nam (VEEIEs) khung Chính sách Dân tộc thiểu số*. Tài liệu mô tả về Dự án VEEIEs, khung Chính sách DTTS (EMPF) và các DTTS ở Việt Nam; đánh giá những tác động tiềm tàng của dự án cả về mặt tích cực và tiêu cực đến người DTTS. Ngoài ra, tài liệu nêu khái quát khung pháp lý liên quan đến DTTS; các hoạt động tham vấn và công bố thông tin của dự án; cơ chế khiếu nại, khiếu kiện để tiếp nhận, giải quyết tái định cư, xung đột văn hóa, tiếp cận tài nguyên thiên nhiên, sinh kế và các vấn đề đất nông nghiệp của các cộng đồng/cá nhân người DTTS bị ảnh hưởng bởi dự án; cơ chế giám sát và đánh giá cho tất cả các thành phần dự án trong suốt quá trình thực hiện dự án và hướng dẫn lập kế hoạch phát triển DTTS.

- Tổng cục Thống kê, Ủy ban Dân tộc (2020), *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nxb. Thống kê. Tài liệu có kết cấu gồm 3 phần. Phần 1 (phần Tổ chức thực hiện) trình bày các nội dung từ quá trình chuẩn bị đến quá trình tổ chức thực hiện điều tra 53 DTTS năm 2019 tại các cấp. Phần 2 (phần Kết quả chủ yếu) gồm 3 chương tương ứng với các nội dung về đặc điểm kinh tế - xã hội của các xã vùng DTTS; dân số và các đặc trưng nhân khẩu học; điều kiện nhà ở, sinh hoạt và đời sống văn hóa, tinh thần của hộ DTTS. Phần 3 là Biểu tổng hợp.

- Trần Văn Kham, Nguyễn Văn Chiêu (2016), *Nghiên cứu về thực trạng đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số: Nhìn từ khía cạnh việc làm và thu nhập*,

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Trong bài viết này, tác giả tập trung nghiên cứu về đời sống của người DTTS tại các khu công nghiệp và khu đô thị ở Việt Nam hiện nay. Qua khảo sát 600 người DTTS tại ba tỉnh Đắk Lắk, Thái Nguyên và Bình Dương, tác giả đã chỉ rõ những khó khăn mà người DTTS gặp phải trong quá trình đô thị hóa và hiện đại hóa như khó khăn về loại hình công việc, cách thức tìm kiếm việc làm. Tuy nhiên, người DTTS vẫn tỏ xu hướng gắn kết tốt với nơi làm việc, cảm nhận mức độ ổn định khá cao về nguồn thu nhập từ các loại hình công việc khác nhau, đồng thời có sự khác biệt về vùng, miền, nhóm tuổi, giới tính, định hướng việc làm, thu nhập và gắn kết công việc.

- Nguyễn Lâm Thành (2017), *Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số*, Nghiên cứu lập pháp, Văn phòng Quốc hội. Trong bài viết này, tác giả nêu bật những thành tựu trong thực hiện pháp luật, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, đồng thời, chỉ ra một số khó khăn, thách thức trong quá trình phát triển và hòa nhập của đồng bào DTTS hiện nay, nhấn mạnh mục tiêu phát triển, quan điểm và giải pháp hoàn thiện pháp luật, chính sách đối với đồng bào DTTS trên tinh thần Hiến pháp năm 2013.

- Bài viết “*Chính sách và quyền của người dân tộc thiểu số và người bản địa*” được đăng trên website: <https://vietnam.opendevelopmentmekong.net>. Bài viết hệ thống một cách khái quát các chỉ tiêu cụ thể của khu vực DTTS gắn với Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) và hệ thống Khung chính sách đối với công tác dân tộc.

Trên cơ sở kế thừa từ các công trình nêu trên về đặc điểm, quyền của người DTTS, pháp luật bảo vệ người lao động nói chung, nguyên tắc điều chỉnh pháp luật đối với lao động người DTTS, một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật bảo vệ người lao động DTTS. Những vấn đề tiếp tục nghiên cứu của luận văn là: Nghiên cứu cách thức, biện pháp bảo vệ quyền của người lao động DTTS;

nghiên cứu thực trạng pháp luật bảo vệ quyền của người lao động DTTS phù hợp với tình hình Việt Nam hiện nay; nghiên cứu thực tiễn thực hiện bảo vệ quyền của lao động DTTS tại tỉnh Gia Lai; nghiên cứu các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền của lao động DTTS tại tỉnh Gia Lai. Đây là điểm mới của luận văn so với các công trình nghiên cứu trước đây mà tác giả sẽ đề cập trong luận văn của mình.

3. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu một cách có hệ thống quy định pháp luật về quyền của người lao động DTTS, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật để bảo vệ quyền của người lao động DTTS, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền của người lao động DTTS.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để làm rõ mục đích nghiên cứu, luận văn có các nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, nghiên cứu và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về bảo vệ quyền của người lao động DTTS như: Khái niệm và đặc điểm người lao động DTTS, khái niệm về bảo vệ người lao động DTTS.

Thứ hai, luận văn làm rõ những quy định pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động DTTS như: Các nguyên tắc điều chỉnh pháp luật về bảo vệ người lao động DTTS; nội dung pháp luật về bảo vệ người lao động DTTS; cách thức, biện pháp bảo vệ người lao động DTTS; các yếu tố tác động đến việc bảo vệ người lao động DTTS.

Thứ ba, luận văn nghiên cứu thực tiễn thực hiện các cách thức, biện pháp bảo vệ quyền của người lao động DTTS; đánh giá những kết quả đạt được; chỉ ra những hạn chế, tồn tại và luận giải nguyên nhân.

Thứ tư, làm sáng tỏ các cơ sở khoa học cho các giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động DTTS, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp

luật trong việc bảo vệ người lao động DTTS nói chung và người lao động DTTS trên địa bàn tỉnh Gia Lai nói riêng trong giai đoạn hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn bao gồm:

- Quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, các quy định pháp luật của Nhà nước về bảo vệ quyền của người lao động DTTS; không hạn chế quy định của các Điều ước quốc tế liên quan đến người DTTS, các Nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước, chính sách của tỉnh Gia Lai về người lao động DTTS.

- Thực tiễn thực hiện bảo vệ quyền của người lao động DTTS tại tỉnh Gia Lai.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu hệ thống quy định của pháp luật về quyền của người lao động DTTS trong các văn bản pháp luật hiện hành như Bộ luật Lao động và các văn bản quy phạm pháp luật quy định liên quan đến quyền của người lao động DTTS. Luận văn nghiên cứu tình hình thực hiện bảo vệ quyền lợi của người lao động DTTS trên địa bàn tỉnh Gia Lai, từ đó đưa ra giải pháp và kiến nghị để hoàn thiện quy định của pháp luật nhằm bảo vệ tối đa quyền lợi của người lao động DTTS.

Phạm vi không gian: từ năm 2019 đến tháng 10 năm 2021.

Địa bàn nghiên cứu: Tỉnh Gia Lai.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về pháp luật bảo vệ quyền của người lao động DTTS.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể như sau:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Các phương pháp này được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn để phân tích các khái niệm, quy định pháp luật về quyền của người lao động DTTS; phân tích thực tiễn áp dụng pháp luật bảo vệ người lao động DTTS; tổng hợp các quan điểm khác nhau trên cơ sở khoa học pháp lý xung quanh các khái niệm, quy định pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động DTTS.

- Phương pháp thống kê và so sánh: Được sử dụng trong luận văn để thống kê các số liệu thực tiễn, so sánh các số liệu và một số quy định của pháp luật trong các văn bản khác nhau, tập trung chủ yếu ở chương 2.

- Phương pháp phân tích định lượng: Được sử dụng chủ yếu trong Chương 2 của Luận văn để làm rõ các số liệu thứ cấp thu thập từ các cơ quan chức năng về thực trạng bảo vệ quyền của người lao động DTTS.

- Phương pháp diễn dịch và quy nạp: Được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn để xây dựng, triển khai và kiểm định các lý thuyết, giả thiết.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

Về mặt lý luận: Luận văn nghiên cứu một cách có hệ thống, đầy đủ, góp phần làm sáng tỏ thêm các vấn đề lý luận về bảo vệ quyền của người lao động DTTS và thực tiễn thực hiện tại tỉnh Gia Lai. Những nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị của luận văn là cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện pháp luật về bảo vệ người lao động DTTS và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện bảo vệ người lao động DTTS tại tỉnh Gia Lai.

Về mặt thực tiễn: Kết quả nghiên cứu của luận văn là tài liệu tham khảo cho các cơ quan nhà nước tỉnh Gia Lai khi xây dựng, hoạch định các chính sách về người lao động DTTS và sẽ là tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy trong các cơ sở đào tạo luật.

7. Kết cấu của luận văn

Với mục đích, phạm vi nghiên cứu đã được xác định như trên, luận văn được xây dựng theo bố cục như sau:

Phần mở đầu

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số

Chương 2: Thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số và thực tiễn thực thi tại tỉnh Gia Lai

Chương 3: Định hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số

Danh mục tài liệu tham khảo.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

1.1. Khái quát về bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm người lao động dân tộc thiểu số

1.1.1.1. Khái niệm dân tộc thiểu số

Khái niệm dân tộc được hiểu theo hai nghĩa rộng và hẹp như sau: Theo nghĩa rộng, dân tộc chỉ một cộng đồng người cùng sinh sống trong một quốc gia, một nước. Theo nghĩa hẹp, dân tộc chỉ một cộng đồng tộc người có chung ngôn ngữ, lịch sử - nguồn gốc, đời sống văn hóa và ý thức tự giác dân tộc. Dân tộc thiểu số là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số⁵ trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.1.1.2. Khái niệm người lao động dân tộc thiểu số

Pháp luật về lao động và dân tộc của Việt Nam cũng như pháp luật quốc tế không có khái niệm cụ thể về “người lao động DTTS”. Kết hợp hai khái niệm “người lao động” và “dân tộc thiểu số” thì người lao động DTTS có thể hiểu là người DTTS đủ 15 tuổi trở lên làm việc cho người sử dụng lao động theo thỏa thuận, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành, giám sát của người sử dụng lao động.

1.1.1.3. Đặc điểm người lao động dân tộc thiểu số

Người lao động DTTS ngoài việc mang những đặc điểm chung của người DTTS thì còn mang những đặc điểm riêng như sau⁶:

⁵ Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc thì dân tộc đa số là dân tộc có số dân chiếm trên 50% tổng dân số của cả nước, theo điều tra dân số quốc gia.

⁶ Nguyễn Phùng Quân (2017), *Nghiên cứu đánh giá thực trạng lao động việc làm của người dân tộc thiểu số*, bài viết được đăng trên website: [Nghiên cứu đánh giá thực trạng lao động việc làm của người dân tộc thiểu số \(tapchicongthuong.vn\)](http://tapchicongthuong.vn) (truy cập ngày 05/12/2021).

Thứ nhất, địa bàn sinh sống phần lớn ở vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây Duyên hải miền Trung, chiếm ¾ diện tích cả nước.

Thứ hai, tỉ lệ tham gia lực lượng lao động của nam DTTS cao hơn nữ DTTS, khu vực nông thôn cao hơn khu vực thành thị. Nhóm dân số tham gia lao động nhiều nhất là 25 – 54 tuổi, tỉ lệ lực lượng lao động người DTTS được đào tạo chuyên môn kỹ thuật từ sơ cấp trở lên vẫn còn thấp.

Thứ ba, người DTTS giữ bản sắc văn hóa riêng và ngôn ngữ riêng. Trong đó, du canh du cư là tập quán sinh sống, thói quen tồn tại từ lâu đời, ăn sâu vào tiềm thức của một bộ phận đồng bào DTTS vùng cao⁷.

1.1.2. Khái niệm bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số

Quyền của người lao động DTTS có thể hiểu là quyền năng mà pháp luật quy định cho người lao động DTTS được hưởng, được thực hiện, yêu cầu hoặc ngăn cản người khác làm một việc gì vì lợi ích của chính mình hoặc của người khác trong lao động.

Bảo vệ quyền của người lao động DTTS có thể hiểu là nghĩa vụ của nhà nước chủ động đề ra những biện pháp và xây dựng các cơ chế phòng ngừa, xử lý những hành vi vi phạm trong lĩnh vực lao động nhằm ngăn chặn sự vi phạm quyền của người lao động DTTS bởi các bên thứ ba.

1.2. Khái quát pháp luật bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số

1.2.1. Nguyên tắc điều chỉnh pháp luật bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số

Thứ nhất, nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc.

Thứ hai, nguyên tắc đoàn kết các dân tộc.

Thứ ba, nguyên tắc tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển.

⁷ Tổng cục Thống kê - Ủy ban Dân tộc (2020), *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nxb. Thống kê, tr. 48.

Thứ tư, nguyên tắc giữ gìn tiếng nói, chữ viết, bản sắc, phong tục, tập quán tốt đẹp của người DTTS.

1.2.2. Nội dung, cách thức, biện pháp bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số

1.2.2.1. Các quyền của người lao động dân tộc thiểu số

Nội dung bảo vệ quyền của người lao động DTTS bao gồm: Quyền được làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc; Quyền được trả lương theo thỏa thuận; Quyền được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn, được hưởng lương, chế độ nghỉ ngơi⁸; Quyền được học tập, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật; Quyền được tiếp cận thông tin chính xác, kịp thời, đầy đủ; Quyền được đảm bảo an sinh xã hội, trong đó có BHXH; Quyền được giữ gìn tiếng nói, chữ viết, bản sắc văn hóa riêng, phong tục, tập quán tốt đẹp của người DTTS; Quyền được nhà nước hỗ trợ để phát triển về mọi mặt.

1.2.2.2. Cách thức, biện pháp bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số

Các cơ chế bảo vệ quyền của người lao động DTTS bao gồm: Giải quyết tranh chấp lao động; giải quyết khiếu nại, tố cáo; tư pháp hình sự và thanh tra lao động, xử lý vi phạm pháp luật về lao động.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số

1.3.1. Yếu tố pháp luật

Đảng và Nhà nước đã có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật nhằm bảo vệ quyền của người lao động DTTS nhưng không mang lại hiệu quả nhanh chóng và chưa có chính sách cũng như văn bản pháp luật điều chỉnh trực tiếp quyền, nghĩa vụ của người lao động DTTS.

⁸ Xem Điều 35 Hiến pháp năm 2013.

1.3.2. Yếu tố tổ chức

Hiện nay có rất nhiều Bộ, ngành cùng tham gia xây dựng, quản lý, theo dõi chính sách vùng đồng bào DTTS. Điều này dẫn đến sự trùng lặp, phân tán, thiếu kết nối giữa các chính sách do các cơ quan có thẩm quyền cùng ban hành. Công tác phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao, các địa phương triển khai chưa đồng đều. Trình tự giải quyết khiếu nại, tố cáo, trình tự tố tụng dân sự, tố tụng hình sự còn khá phức tạp, nặng về hình thức, mất nhiều thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ, điều tra, tìm hiểu, giải quyết, do đó chưa phát huy được hết hiệu quả bảo vệ quyền của người lao động, nhất là người lao động DTTS.

1.3.3. Mức độ phát triển kinh tế - xã hội

Người lao động DTTS tập trung chủ yếu ở vùng núi, vùng sâu vùng xa là những nơi mà hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều hạn chế, chỉ có thể phục vụ nhu cầu dân sinh thiết yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế thị trường. Do đó, chưa thu hút được các doanh nghiệp lớn, nhà máy, xí nghiệp tập trung về đây. Người DTTS ngại phải đi làm xa nhà, không quen với môi trường làm việc công nghiệp và thiếu tự tin. Do đó, cơ hội việc làm cho người lao động DTTS còn rất nhiều hạn chế.

1.3.4. Trình độ dân trí của người lao động

Trình độ dân trí của người lao động DTTS thấp, tỉ lệ biết đọc viết chữ phổ thông⁹ còn khá thấp ở nhiều DTTS. Điều này làm hạn chế khả năng thích nghi của người lao động DTTS trước môi trường việc làm luôn luôn thay đổi, phát triển không ngừng. Bên cạnh đó, trình độ học vấn, hiểu biết xã hội, kinh nghiệm làm việc hạn chế khiến cho người lao động DTTS dễ dàng trở thành đối tượng bị khai thác, bóc lột và lạm dụng.

⁹ Biết đọc biết viết chữ phổ thông là khả năng đọc và viết một đoạn văn đơn giản trong sinh hoạt hàng ngày bằng tiếng phổ thông (tiếng Kinh). Tỉ lệ biết đọc biết viết chữ phổ thông là một trong những chỉ tiêu chung phản ánh kết quả của giáo dục đối với đồng bào DTTS, được định nghĩa là tỉ lệ phần trăm những người DTTS biết đọc biết viết chữ phổ thông của một độ tuổi nhất định trong tổng dân số DTTS của độ tuổi đó.

1.3.5. Yếu tố tập quán

Thị trường lao động không chính thức và dịch chuyển lao động qua biên giới được xem là biện pháp thu hút người lao động DTTS. Tuy nhiên, hoạt động này khiến cho người lao động DTTS giảm khả năng tiếp cận với cơ hội việc làm ổn định, họ chỉ có thể thu được nguồn thu nhập thấp và đối mặt với rất nhiều rủi ro¹⁰.

Tiểu kết Chương 1

Chương 1 của luận văn đã hệ thống hóa một số vấn đề lý luận cơ bản về người lao động DTTS, nguyên tắc điều chỉnh pháp luật đối với người lao động DTTS; nội dung, cách thức, biện pháp và các yếu tố ảnh hưởng đến việc bảo vệ quyền của người lao động DTTS.

Người lao động DTTS được hưởng các quyền bình đẳng với người lao động khác đồng thời được đảm bảo các quyền của người DTTS. Để điều chỉnh những vấn đề liên quan đến quyền của người lao động DTTS, Đảng và Nhà nước đã đề ra đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật nhằm bảo vệ quyền của người lao động DTTS, đảm bảo việc làm, giúp cho người lao động DTTS có thể ổn định thu nhập, ổn định cuộc sống, nâng cao trình độ, tay nghề. Tuy nhiên, vì nhiều lí do khách quan lẫn chủ quan, người lao động DTTS vẫn còn tăng chậm về số lượng và chất lượng cũng chưa cao.

¹⁰ Theo Thống kê của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Việt Nam hiện có gần 54 triệu lao động, trong đó có 8,03 triệu lao động người DTTS. Hiện nay vẫn còn 40,5 triệu lao động hoạt động trong khu vực phi chính thức, không có HĐLĐ. Tính trong năm 2020, toàn quốc đã xảy ra 3.349 vụ tai nạn lao động làm 3.450 người bị tai nạn. Trong đó, thống kê không đầy đủ ở khu vực phi chính thức xảy ra 104 vụ tai nạn lao động làm 104 người chết, số người bị thương nặng là 806 người.

Chương 2
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN CỦA
NGƯỜI LAO ĐỘNG DÂN TỘC THIỂU SỐ
VÀ THỰC TIỄN THỰC THI TẠI TỈNH GIA LAI

2.1. Thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số

2.1.1. Quy định pháp luật về quyền của người lao động dân tộc thiểu số

Thứ nhất, bảo vệ quyền bình đẳng, không bị phân biệt đối xử của người lao động DTTS.

Thứ hai, bảo vệ quyền được học nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp.

Thứ ba, bảo vệ quyền được trả lương theo thỏa thuận.

Thứ tư, bảo vệ quyền tham gia tổ tụng và trợ giúp pháp lý của người lao động.

Thứ năm, bảo vệ quyền được thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người lao động.

Thứ sáu, bảo vệ an toàn, sức khỏe, tính mạng của người lao động và các quyền khác của người lao động.

2.1.2. Quy định pháp luật về trách nhiệm của người sử dụng lao động

Thứ nhất, trách nhiệm của người SDLĐ.

Thứ hai, bảo vệ quyền của người lao động DTTS thông qua cơ chế khiếu nại, tố cáo.

Thứ ba, bảo vệ người lao động DTTS thông qua tư pháp hình sự.

Thứ tư, về bảo vệ quyền của người lao động DTTS thông qua thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về lao động.

2.1.3. Quy định pháp luật về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số

Thứ nhất, trách nhiệm của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở¹¹.

¹¹ Xem Điều 170 Bộ luật Lao động năm 2019.

Thứ hai, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về lao động¹².

2.2. Thực tiễn thực thi pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số tại tỉnh Gia Lai

2.2.1. Khái quát tình hình lao động, việc làm tại tỉnh Gia Lai

Nguồn lao động của tỉnh Gia Lai có 898.843 người lao động, trong đó, số người trong độ tuổi lao động đang làm việc là 884.298 người, chiếm 98,38% tổng nguồn lao động, đây là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Tỉnh Gia Lai là một tỉnh khu vực Tây Nguyên có nguồn lao động dồi dào, từ lao động phổ thông cho đến lao động có tay nghề, đây là thị trường tiềm năng đối với các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động đi làm việc ở trong nước cũng như đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

2.2.2. Tình hình thực thi pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số tại tỉnh Gia Lai

Theo thống kê kiểm sát giải quyết các vụ, việc kinh doanh thương mại, lao động theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm của VKSND tỉnh Gia Lai, trong năm 2020, số vụ, việc Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kì thống kê là 01 vụ; số vụ, việc Viện kiểm sát thụ lý theo thủ tục phúc thẩm là 01 vụ. Trong năm 2021, Tổng số vụ, việc tranh chấp lao động cá nhân giữa người lao động với người SDLĐ mà Viện kiểm sát thụ lý theo thủ tục sơ thẩm là 18 vụ, trong đó giải quyết được 02 vụ, còn lại 16 vụ cuối kì chưa giải quyết; số bản án, quyết định Viện kiểm sát đã kiểm sát theo thủ tục phúc thẩm là 01 vụ.

2.3. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.3.1. Những tồn tại, hạn chế

Văn bản pháp luật và chính sách chồng chéo, trùng lặp; chưa bao quát được hết các khía cạnh bảo vệ quyền của người lao động DTTS. Chính quyền các cấp tỉnh Gia Lai chưa chú trọng vào tuyên truyền cho các lao động nữ DTTS về các

¹² Xem Điều 213 Bộ luật Lao động năm 2019.

quyền, chế độ, chính sách mà lao động nữ được hưởng. Chưa có cơ chế bảo vệ quyền được trả lương theo thỏa thuận của người lao động. Chưa có cơ chế, chính sách bắt buộc người SDLĐ trang bị bảo hộ, bảo đảm an toàn lao động cho người lao động. Chưa có chính sách hỗ trợ người lao động tham gia BHXH tự nguyện. Chưa chú trọng đến nội dung tuyên truyền pháp luật về lao động dành cho người lao động DTTS và thanh niên DTTS trong độ tuổi lao động.

2.3.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện nhiều nhưng chưa kịp thời, công tác phối hợp giữa các sở, ban ngành và địa phương thiếu chặt chẽ. Việc phân tích, đánh giá tác động, hiệu quả, nguyên nhân, hạn chế của các chính sách chưa đầy đủ; trách nhiệm của các cơ quan có liên quan còn hạn chế nhất định. Một bộ phận cán bộ phụ trách lĩnh vực lao động còn thiếu trách nhiệm và hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ. Tay nghề, trình độ kỹ thuật của người lao động DTTS tại địa phương còn hạn chế, ý thức kỷ luật lao động chưa cao. Điều kiện kinh tế - xã hội, yếu tố địa lý tự nhiên của các xã vùng đồng bào DTTS còn khó khăn; trình độ dân trí thấp; duy trì một số phong tục tập quán lạc hậu; một bộ phận nhỏ người lao động DTTS chưa chủ động vươn lên thoát nghèo bần, chưa phát huy nội lực mà vẫn còn ý thức trông chờ vào các chính sách, hỗ trợ từ địa phương.

Tiểu kết Chương 2

Trong nội dung của Chương 2, tác giả đi sâu vào nghiên cứu thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động DTTS và thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền của người dân tộc thiểu số tại tỉnh Gia Lai.

Việc nghiên cứu, tìm hiểu các nội dung của Chương 2 giúp cho tác giả có thể chỉ ra những bất cập, tồn tại, hạn chế trong việc bảo vệ quyền của người lao động DTTS, đặc biệt là tại tỉnh Gia Lai, chỉ ra những nguyên nhân của nó, trên cơ sở đó có thể đề xuất những giải pháp, kiến nghị giúp hoàn thiện hơn các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động DTTS nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng của công tác bảo vệ quyền của người lao động DTTS và từ đó, giúp cho đời sống của người lao động DTTS được cải thiện hơn, rút ngắn khoảng cách chênh lệch giàu – nghèo, trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng, các dân tộc đồng đều hơn.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ BẢO VỆ QUYỀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số

3.1.1. Quán triệt sâu sắc và thể chế hóa đường lối, chủ trương, định hướng chính sách của Đảng về bảo vệ quyền của người lao động nói chung và người lao động dân tộc thiểu số nói riêng

Quán triệt và quyết tâm thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng về công tác dân tộc trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Kết luận của Bộ Chính trị về công tác dân tộc trong tình hình mới. Đồng thời, thực hiện tốt các nghị quyết, chương trình, chính sách về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực DTTS, Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 – 2030; các gói chính sách; các chương trình. Đặc biệt hơn nữa, xây dựng các chương trình, dự án đặc thù cho người lao động DTTS.

3.1.2. Đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế về bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số

Định hướng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, đặc biệt là người lao động ở các khu công nghiệp, khu chế xuất. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, phát triển đội ngũ công nhân có trình độ cao, làm chủ được khoa học - công nghệ, có tác phong công nghiệp, ý thức kỷ luật cao. Xây dựng và thực hiện nghiêm hệ thống pháp luật, chính sách liên quan đến bảo vệ quyền của người lao động. Tăng cường vai trò của các cấp ủy đảng, Công đoàn, các tổ chức bảo vệ quyền lợi của người lao động và các đoàn thể nhân dân trong việc xây dựng tổ chức đảng và phát triển đảng viên trong các loại hình doanh nghiệp,

đặc biệt là là khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước. Đổi mới mạnh mẽ tổ chức và hoạt động của Công đoàn.

3.1.3. Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ và khả thi của pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số

Thứ nhất, đảm bảo tính hợp hiến của pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động DTTS.

Thứ hai, bảo đảm tính hợp pháp của pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động DTTS.

Thứ ba, bảo đảm tính đồng bộ và khả thi của pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động DTTS.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Bảo đảm tính thống nhất giữa pháp luật chung với những quy định mang tính đặc thù. Xây dựng chế độ trách nhiệm thực thi nhiệm vụ của cán bộ, công chức công tác ở vùng DTTS, bảo đảm mỗi người có thể phát huy hết năng lực cá nhân; đồng thời, xác định cụ thể trách nhiệm của mỗi cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ, giảm thiểu nguy cơ có thể xâm phạm quyền của người lao động DTTS.

3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số tại tỉnh Gia Lai

3.2.2.1. Nhóm giải pháp chung

- Thực thi một cách đồng bộ và toàn diện các chương trình, chính sách phát triển hạ tầng, kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, cải thiện dịch vụ xã hội và bảo tồn các giá trị văn hóa ở vùng DTTS.

- Phát huy nội lực của người lao động DTTS.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực thi pháp luật đối với người lao động DTTS, chú trọng đặc biệt đến công tác tư pháp.

- Đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với người lao động DTTS.

- Tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế nhằm thu hút nguồn lực từ nước ngoài đầu tư cho vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Bảo vệ quyền việc làm của người lao động DTTS.

- Bảo vệ quyền được học tập, nâng cao trình độ, chuyên môn, kỹ thuật cho người lao động DTTS.

- Bảo vệ các quyền thông tin, văn hóa và các quyền khác của người lao động DTTS.

- Bảo tồn và phát triển nét đẹp văn hóa của DTTS, người lao động DTTS hòa nhập nhưng không hòa tan.

3.2.2.2. Nhóm giải pháp áp dụng tại tỉnh Gia Lai

Đối với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

Đối với các cơ quan tư pháp (Cơ quan Điều tra, Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan Thi hành án các cấp).

Đối với các tổ chức bảo vệ người lao động tại cơ sở.

Tiểu kết Chương 3

Bảo vệ quyền của người lao động DTTS góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia. Người lao động DTTS với những hạn chế khách quan lẫn chủ quan của mình được xem là nhóm người yếu thế trong xã hội, cần được Nhà nước quan tâm và bảo vệ. Tuy nhiên, các quy định của pháp luật và chính sách của Nhà nước còn chung chung, rời rạc, chưa điều chỉnh trực tiếp đến lĩnh vực bảo vệ quyền của người lao động DTTS. Chính vì vậy, việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động DTTS là yêu cầu cấp thiết về phương diện lý luận và thực tiễn, đảm bảo các nguyên tắc cơ bản về người DTTS của Hiến pháp.

Trong chương này, tác giả đề cập đến những yêu cầu cơ bản về hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động DTTS ở Việt Nam cũng đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số tại tỉnh Gia Lai. Trước tiên là nêu các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền của người lao động DTTS. Sau đó, tác giả đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền của người lao động dân tộc thiểu số tại tỉnh Gia Lai.

KẾT LUẬN

Vấn đề dân tộc, công tác dân tộc có vai trò và vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Để đảm bảo thực hiện tốt công tác dân tộc, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi thì người lao động DTTS là lực lượng chủ yếu. Hiện nay, người lao động DTTS bộc lộ nhiều điểm hạn chế, đặc biệt là đứng trước xu thế toàn cầu hóa và bước vào thời đại công nghiệp 4.0 thì sự chênh lệch về năng lực, trình độ, khoảng cách giàu nghèo giữa người DTTS và người dân tộc đa số càng cách xa. Để rút ngắn sự chênh lệch này thì Đảng và Nhà nước cần quan tâm hơn nữa đến nhóm đối tượng là người DTTS, đảm bảo các quyền của họ về mọi mặt.

Nhận thức được tầm quan trọng, ý nghĩa to lớn của việc bảo vệ quyền của người lao động DTTS, luận văn đi sâu nghiên cứu và phân tích những điểm phù hợp và chưa phù hợp của các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về bảo vệ quyền của người lao động DTTS; đánh giá thực trạng các quy định pháp luật và thực tiễn thực hiện việc bảo vệ quyền của người lao động DTTS trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Qua đây, tác giả mong muốn được đóng góp một phần kiến thức nhỏ bé của mình vào việc hoàn thiện pháp luật về bảo vệ người lao động DTTS, hướng đến một môi trường lao động an toàn, hiệu quả, bình đẳng cho người lao động DTTS ở nước ta trong thời kỳ hội nhập và phát triển.